

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Đức	Tài	3771020328	02/10/1994	1,00	,00	,30	
2	Huỳnh Văn	Luận	3771020705	19/05/1995	3,50	1,00	1,80	
3	Lê Trung	Phong	3771020709	27/03/1995	2,00	10,00	7,60	
4	Trần Duy	Quang	3771020714	12/01/1995	1,50	10,00	7,50	
5	Lê Quốc	Việt	3771020730	05/11/1995	1,00	6,00	4,50	
6	Phạm Bá	Châu	3771020743	08/06/1995	7,00	5,00	5,60	
7	Võ Quyền	Linh	3771020746	02/02/1994	2,00	1,50	1,70	
8	Võ Trần Minh	Tài	3771020747	27/05/1994	4,00	2,00	2,60	
9	Phạm Văn	Thế	3771020748	01/04/1989	3,00	3,80	3,60	
10	Thuận Văn	Tiếp	3771020767	15/05/1993	2,00	,00	,60	
11	Lê Đình	Vương	3771020774	16/06/1992	6,00	,00	1,80	
12	Nguyễn Thanh	Huy	3771020784	18/11/1995	,00	1,00	,70	
13	Võ Mạnh	Cường	3771020785	02/09/1993	3,00	,00	,90	
14	Trần Quang	Ngọc	3771020792	10/03/1995	3,00	4,00	3,70	
15	Lê Nhật	Quang	3771020804	12/02/1995	3,00	1,30	1,80	
16	Lê Duy	Khánh	3771020807	23/05/1994	3,00	6,50	5,50	
17	Nguyễn Ngọc	Tân	3771020851	26/10/1995	1,00	2,80	2,30	
18	Nguyễn Văn	Tư	3771021100	25/05/1995	1,00	2,50	2,10	
19	Trần Văn	Lợi	3771021211	04/10/1994	3,00	1,30	1,80	
20	Hoàng Văn	Nam	3771021250	04/11/1992	,00	,00	,00	CT
21	Nguyễn Văn	Dũng	3771021253	05/05/1994	1,00	2,00	1,70	
22	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3771021276	05/05/1995	5,00	6,30	5,90	
23	Phan Thanh	Đăng	3771021304	28/08/1995	4,00	4,00	4,00	
24	Trần Quốc	Tài	3771021325	22/11/1995	7,50	,00	2,30	CT
25	Phạm Hữu	Hây	3771021404	09/09/1995	3,00	6,50	5,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)